

**BÁO CÁO THUYẾT MINH TÌNH HÌNH THỰC HIỆN
DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 9 THÁNG NĂM 2025**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 06 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ ;

Căn cứ Quyết định số 7779/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân quận Bình Tân về giao chỉ tiêu dự toán thu – chi ngân sách Nhà nước năm 2025;

Nay Trường THCS Bình Tân báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2025 như sau:

VII. Kết quả thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí:

10. Kết quả thu phí, lệ phí là 0 triệu đồng.

11. Chi từ nguồn thu được để lại là 0 triệu đồng.

12. Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước (Phí thẩm định dự án đầu tư) là 0 triệu đồng.

VIII. Dự toán chi ngân sách nhà nước.

10. Chi quản lý hành chính: 0 đồng.

11. Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ: 0 đồng

12. Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề là 24.865,75 triệu đồng, đạt 55,35 % dự toán năm (44.924,97 triệu đồng), tăng 35,32 % so với cùng kỳ năm trước (18.375,1 triệu đồng). Trong đó:

- **Kinh phí chi thường xuyên: 11.183,71 triệu đồng, đạt 70,56 % dự toán năm (15.850,00 triệu đồng), tăng 35,79% so với cùng kỳ năm trước (7.180,72 triệu đồng).**

- **Kinh phí chi không thường xuyên:** 5.379,17 triệu đồng, đạt 44,21% dự toán năm (12.167,22 triệu đồng), tăng 14,35% so với cùng kỳ năm trước (4.606,91 triệu đồng)
- **Kinh phí chi không thường xuyên (12):** 2.139,78 triệu đồng, đạt 85,62% dự toán năm (2.499,28 triệu đồng), giảm 58,27 % so với cùng kỳ năm trước (5.128,21 triệu đồng) .
- **Kinh phí khác (KP thu học phí - dịch vụ) :** 6.163,09 triệu đồng, đạt 45,41% dự toán năm (13.571,47 triệu đồng), tăng 42,98% so với cùng kỳ năm trước (3.513,79 triệu đồng)

Trên đây là Báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 9 tháng năm 2025 của Trường THCS Bình Tân ./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch Công đoàn;
- Trường ban TTND;
- Kế toán;
- Dán bảng thông báo;
- Lưu: VT.



Lê Văn Gia Em

TRƯỜNG THCS BÌNH TÂN
Chương: 822

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

An Lạc, ngày 08 tháng 10 năm 2025

**CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH
9 THÁNG NĂM 2025**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;


Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ sau:

Đơn vị tính: triệu đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại				
1	Chi sự nghiệp.....				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3.2	Phí				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước				
1	Nguồn ngân sách trong nước				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	44.924,97	24.865,75	55,35%	135,32%
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên (N.13)	15.850,00	11.183,71	70,56%	155,75%
	Trong đó: + KP thực hiện tự chủ:	15.850,00	11.183,71	70,56%	155,75%
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên (N.12)	2.499,28	2.139,78	85,62%	41,73%
3.3	Kinh phí tiền thưởng theo Nghị định số 73/2024/NĐ-CP (N.18)	837,00	-	0,00%	0,00%
3.4	Kinh phí tăng thu nhập theo 08/2023/NQ-HĐND	12.167,22	5.379,17	44,21%	170,56%

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025	Ước thực hiện/ dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện 9 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
3.5	Kinh phí khác	13.571,47	6.163,09	45,41%	146,00%
-	Học phí theo qui định	987,70	478,64	48,46%	41,46%
-	Tiếng anh tăng cường	580,99	123,56	21,27%	207,84%
-	Tổ chức học ngoại ngữ với người nước ngoài (TABN)	3.962,49	1.513,79	38,20%	203,04%
-	Tổ chức dạy Kỹ năng sống	613,12	597,48	97,45%	138,38%
-	Tổ chức học 2 buổi/ngày (Buổi hai)	2.527,31	1.421,48	56,24%	272,76%
-	Tổ chức GD stem (Steame)	842,36	344,38	40,88%	49,27%
-	Quản lý, phục vụ VS bán trú	2.484,44	1.059,27	42,64%	1357,19%
-	Tổ chức lớp học theo đề án : NCNL KTKN UD tin học (TH QT- IC3)	1.573,06	624,49	39,70%	105,89%
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
5	Chi bảo đảm xã hội				
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
6	Chi hoạt động kinh tế				
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				
2				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Dự án A				
1.2	Dự án B				

Kế toán



Nguyễn Huỳnh Thanh Hằng

Hiệu trưởng



Lê Văn Gia Em